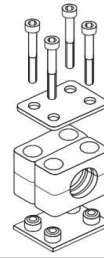


重型管夹 (DIN3015-2系列) — 总成

\ Heavy Duty Pipe Clamp (DIN3015-2 Series) - assembly \

THPG7

- 内六角螺栓, 盖板, 焊接板, 4块管夹片
- Hexagon socket bolts, cover plate, welding plate, 4 pipe clamps



DIN-3015标准不同材料的订货号:

塑料管夹 -THPG
塑料管夹光滑内孔 -THPS
尼龙管夹 -THNG
尼龙管夹光滑内孔 -THNS
铝管夹 -THAG

DIN-3015 standard ordering numbers for different materials:
Plastic pipe clamp - THPG
Plastic pipe clamp with smooth inner hole - THPS
Nylon pipe clamp - THNG
Nylon pipe clamp with smooth inner hole - THNS
Aluminum pipe clamp - THAG

管夹规格 Specification	管外径 mm	管外径 in	管内径 in	型号 Type	产品编码 Product Code	管夹规格 Specification	管外径 mm	管外径 in	管内径 in	型号 Type	产品编码 Product Code
	6			THPG7-106	CF21071060		70			THPG7-570	CF21075700
	8	5/16		THPG7-108	CF21071080		73			THPG7-573	CF21075730
	10		G1/8	THPG7-110	CF21071100		75			THPG7-575	CF21075750
	12			THPG7-112	CF21071120	5	76.1	3	G2 1/2	THPG7-576.1	CF21075761
	12.7			THPG7-112.7	CF21071127		80			THPG7-580	CF21075800
1	13.5		G1/4	THPG7-113.5	CF21071135		82.5	3 1/4		THPG7-582.5	CF21075825
	14			THPG7-114	CF21071140		88.9	3 1/2	G3	THPG7-588.9	CF21075889
	15			THPG7-115	CF21071150		90			THPG7-590	CF21075900
	16	5/8		THPG7-116	CF21071160		90			THPG7-690	CF21076900
	17.2		G3/8	THPG7-117.2	CF21071172		97			THPG7-697	CF21076970
	18			THPG7-118	CF21071180		100			THPG7-6100	CF21076100
	18			THPG7-218	CF21072180	6	101.6	4	G3 1/2	THPG7-6101.6	CF21076101
	19	3/4		THPG7-329	CF21073290		108	4 1/4		THPG7-6108	CF21076108
	20			THPG7-220	CF21072200		114.3	4 1/2	G4	THPG7-6114.3	CF21076114
	21.3		G1/2	THPG7-221.3	CF21072213		127			THPG7-6127	CF21076127
2	22			THPG7-222	CF21072220		127	5		THPG7-7127	CF21077127
	23			THPG7-223	CF21072230		133	5 1/4		THPG7-7133	CF21077133
	25	1		THPG7-225	CF21072250		140	5 1/2	G5	THPG7-7140	CF21077140
	26.9		G3/4	THPG7-226.9	CF21072269	7	150			THPG7-7150	CF21077150
	28			THPG7-228	CF21072280		152.4	6	G5 1/2	THPG7-7152.4	CF21077152
	30			THPG7-230	CF21072300		159	6 1/4		THPG7-7159	CF21077159
	30			THPG7-330	CF21073300		165.1	6 1/2	G6	THPG7-7165.1	CF21077165
	32	1 1/4		THPG7-332	CF21073320		168.3	6 5/8		THPG7-7168.3	CF21077168
	33.7		G1	THPG7-333.7	CF21073337		168.3	6 5/8		THPG7-8168.3	CF21078168
3	35			THPG7-335	CF21073350		177.8	7		THPG7-8177.8	CF21078177
	38	1 1/2		THPG7-338	CF21073380	8	193.8	7 5/8		THPG7-8193.8	CF21078193
	40			THPG7-340	CF21073400		203			THPG7-8203	CF21078203
	42		G1 1/4	THPG7-342	CF21073420		219.1	8 5/8	G8	THPG7-8219.1	CF21078219
	38	1 1/2		THPG7-438	CF21074380		220			THPG7-8220	CF21078220
	40			THPG7-440	CF21074400		219.1	8 5/8	G8	THPG7-9219.1	CF21079219
	42		G1 1/4	THPG7-442	CF21074420	9	224.5			THPG7-9224.5	CF21079224
	45			THPG7-445	CF21074450		273		G10	THPG7-9273	CF21079273
	48.3		G1 1/2	THPG7-448.3	CF21074483		323.9		G12	THPG7-9323.9	CF21079323
	50			THPG7-450	CF21074500		356		G14	THPG7-10356	CF21070356
4	51	2		THPG7-451	CF21074510	10	365			THPG7-10365	CF21070365
	52			THPG7-452	CF21074520		406		G16	THPG7-10406	CF21070406
	55			THPG7-455	CF21074550						
	57	2 1/4		THPG7-457	CF21074570						
	60.3		G2	THPG7-460.3	CF21074603						
	63	2 1/2		THPG7-463	CF21074630						
	65			THPG7-465	CF21074650						
	70			THPG7-470	CF21074700						

注: THPS5-106订货号为CF25051060, THNG5-106订货号为CF22051060,
THNS5-106订货号为CF26051060, THAG5-106订货号为CF24051060.
THPS5-570订货号为CF25055700, THNG5-570订货号为CF22055700,
THNS5-570订货号为CF26055700, THAG5-570订货号为CF24055700.

Note: The order number of THPS5-106 is CF25051060, the order number of THNG5-106 is CF22051060,
The order number of THNS5-106 is CF26051060, and the order number of THAG5-106 is CF24051060.
The order number of THPS5-570 is CF25055700, the order number of THNG5-570 is CF22055700,
The order number of THNS5-570 is CF26055700, and the order number of THAG5-570 is CF24055700.